

Bản án số: 502/2024/DS-PT

Ngày: 28.11.2024

V/v “Tranh chấp thừa kế và đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Bình

Bà Trần Thị Thanh Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 302/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 430/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941. Địa chỉ: Ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn E. Địa chỉ: 1 L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ - Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2022 (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Phạm Minh T, sinh năm 1968. Địa chỉ: 3 khu V, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Huy K, ông Huỳnh N1, ông Nguyễn Trọng N2 (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2024). Địa chỉ: A, T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ – Ông Huy K có mặt. Ông Huỳnh N1, ông Trọng Nguyễn vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn H (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị Cẩm V (vắng mặt)

3. Cháu Nguyễn Văn S (vắng mặt)

4. Cháu Nguyễn Ngọc T1. Cùng địa chỉ chỗ ở: Nhà trọ số C khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Văn K1, sinh năm 1981. Địa chỉ: C, V, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị P, ông Mai Văn M1. Địa chỉ: 3 khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3. Châu Văn S1, Lê Thị Ngọc M2. Địa chỉ: 331/10 khu vực D (L), phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

4. Ông Phạm Văn S2. Địa chỉ: số E D, khóm C, phường B, TP S, tỉnh Sóc Trăng (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Minh T là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà N trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Thùy Q (mất ngày 07/07/2022) không để lại di chúc. Bà N là hàng thừa kế thứ nhất duy nhất của bà Q. Lúc còn sống bà Q không có chồng, không có con (theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 224/UBND- XNTTHN do UBND phường L ký ngày 15/07/2020). Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà Q gồm: Cha ruột là ông Nguyễn Đàng P1 (mất năm 2018) và mẹ Nguyễn Thị N theo Tờ cam kết có chứng thực số 260, quyền số 01/2022-SCT/CK.ĐC do UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang ký ngày 23/08/2022.

Khi còn sống bà Q có tạo lập được một số tài sản là 03 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 639954; BĐ 639953; BĐ 63936701, 01 chiếc xe ô tô biển số 65A -115.71 số đăng ký 016708 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố C cấp ngày 23/02/2017 mang tên bà Thùy Q. Sau khi bà Q mất, tất cả các tài sản trên do ông Phạm Minh T chiếm giữ, sử dụng trái pháp luật. Nhiều lần bà N (mẹ của bà Q) yêu cầu ông Tâm G trả lại tài sản đang chiếm giữ trái pháp luật cho bà N quản lý và mở thừa kế theo quy định pháp luật nhưng ông T không đồng ý, lẩn tránh gây khó khăn cho việc nhận lại tài sản của bà Q. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Phạm Minh T chấm dứt hành vi chiếm giữ tài sản trái pháp luật giao lại cho bà N 03 thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 639954; BĐ 639953; BĐ 639367 và 01 chiếc xe ô tô biển số: 65A -115.71 số đăng ký: 016708 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố C cấp ngày 23/02/2017 mang tên Nguyễn Thị Thùy Q.

\* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, bị đơn ông T có ý kiến và phản tố như sau: ông sống với con gái của bà N là bà Q như vợ chồng từ năm

2008, hai người không đăng ký kết hôn đến ngày 28/12/2013 có tổ chức đám cưới để ra mắt họ hàng, bạn bè và có sự tham dự của 02 bên gia đình trong đó có bà N (kèm một số hình ảnh đám cưới). Quá trình chung sống với nhau giữa ông và bà Q có tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 639954, số vào sổ cấp GCN:CH02773, thửa số 68, tờ bản đồ 26, diện tích 379m<sup>2</sup>, do UBND quận N cấp ngày 23/3/2011 cho ông Phạm Văn S2 và bà Lê Thị Hồng H1, đất tọa lạc tại khu vực 4, phường A, quận N, Tp ., chính lý ngày 02/11/2011 mang tên Nguyễn Thị Thùy Q.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền v đất số BĐ 639953, số vào sổ cấp GCN:CH02772, thửa số 208, tờ bản 26, diện tích 106,6m<sup>2</sup>, do UBND quận N cấp ngày 23/3/2011 cho ông Phạm Văn S2 và bà Lê Thị Hồng H1, đất tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, tp Cần Thơ, chính lý ngày 02/11/2011 mang tên Nguyễn Thị Thùy Q.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 639367, số vào sổ cấp GCN:CH02897, thửa số 218, tờ bản đồ 26, diện tích 64,40m<sup>2</sup>, do UBND quận N cấp ngày 7/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Thùy Q đất tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, Tp ..

+ Chiếc xe ô tô biển kiểm sát 65A-115.71 số đăng ký mang tên bà Q, ông và bà Q cùng ra Toyota Ninh Kiều mua và ông đưa tiền cho bà Q thanh toán. Vì công việc đi xa bận rộn nên ông giao cho vợ là bà Q đứng tên để tiện thời gian làm thủ tục.

Các tài sản là quyền sử dụng đất và xe nêu trên là tài sản chung của ông và bà Q mua trong thời kỳ chung sống với nhau. Nguồn gốc phần đất là do ông quen biết và trực tiếp giao dịch với ông Phạm Văn S2 để nhận chuyển nhượng lại các thửa đất, kể cả việc giao nhận tiền chuyển nhượng các thửa đất. Do là vợ chồng nên tin tưởng và giao cho bà Q đại diện đứng hợp đồng. Quá trình bà Q vợ của ông lâm bệnh, ông là người duy nhất chăm sóc cho tới lúc bà Q mất. Nay ông có yêu cầu phản tố như sau: Chia di sản thừa kế theo pháp luật do vợ ông là bà Nguyễn Thị Thùy Q chết không để lại di chúc cho ông được hưởng 50% tài sản. Giá trị tạm tính các thửa đất nêu trên là: 1.300.000.000 đồng; Giá trị chiếc xe khoảng: 500.000.000 đồng. Tổng tài sản là 1.800.000.000 đồng. Ông yêu cầu được nhận các tài sản nêu trên và thối lại cho nguyên đơn bà N 50% tài sản tương đương số tiền 900.000.000 đồng.

\* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Phạm Minh T.

- Công nhận bà Nguyễn Thị N là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là người thừa kế duy nhất của bà Nguyễn Thị Thùy Q (sinh năm 1967), chết ngày 07/7/2022.

- Công nhận các tài sản gồm: Thửa đất 208, tờ bản đồ 26 tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, TPCT theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 639953 (số vào sổ cấp GCN: CH02772) do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/03/2011, chính lý sang tên bà Nguyễn Thị Thùy Q ngày 02/11/2011; Thửa đất 218, tờ bản đồ 26 tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, TPCT theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 639967 (số vào sổ cấp GCN: CH02897) do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Thùy Q; Thửa đất 68, tờ bản đồ 26 tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, TPCT theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 639954 (số vào sổ cấp GCN: CH02773) do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/03/2011, chính lý sang tên bà Nguyễn Thị Thùy Q ngày 02/11/2011, trên đất có các công trình xây dựng theo chứng thư Thẩm định giá số 241401889/CTO ngày 21/3/2024 tại bút lục 190 (*Tổng diện tích qua đo đạc thực tế còn lại của 03 thửa 208, 218 và 68 là 531,0m<sup>2</sup> theo Bản trích đo địa chính số 914/TTKTTNMT ngày 23/8/2023 của Trung tâm K2 – nay là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố C lập*) và 01 xe ô tô hiệu TOYOTA, có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016708, biển số 65A – 115.71 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố C cấp ngày 23/02/2017 mang tên Nguyễn Thị Thùy Q là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Thùy Q chết để lại. Bà Nguyễn Thị N được hưởng thừa kế toàn bộ các di sản thừa kế vừa nêu trên của bà Nguyễn Thị Thùy Q.

- Buộc bị đơn ông Phạm Minh T phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ các vật dụng, tài sản cá nhân để giao trả lại toàn bộ tài sản thừa kế (*03 thửa đất số 208, 218, 68, các công trình xây dựng theo chứng thư Thẩm định giá số 241401889/CTO ngày 21/3/2024 tại bút lục 190 và xe ô tô BS 65A-115.71*) như vừa nêu trên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N hỗ trợ cho bị đơn ông Phạm Minh T số tiền 200.000.000 đồng chi phí di dời và đồng ý cho bị đơn ông Phạm Minh T được lưu cư trong thời gian 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời gian 06 tháng, bị đơn ông Phạm Minh T phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ các vật dụng, tài sản cá nhân để giao trả lại toàn bộ tài sản thừa kế như vừa nêu trên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Không đặt ra xem xét đối với 81,8m<sup>2</sup> đất – vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 914/TTKTTNMT ngày 23/8/2023 của Trung tâm K2 – nay là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố C lập. Trường hợp phần diện tích 81,8m<sup>2</sup> đất – vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 914/TTKTTNMT ngày 23/8/2023 của Trung tâm K2 – nay là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập có đủ điều kiện đăng ký cấp GCNQSDĐ thì bà Nguyễn Thị N là người thừa kế của bà Nguyễn Thị Thùy Q có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp

GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Minh T về việc:

- Công nhận các di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Thùy Q chết để lại là tài sản chung của ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thùy Q.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thùy Q theo pháp luật.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 15 tháng 7 năm 2024 ông Phạm Minh T kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận phản tố của ông.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý án sơ thẩm, nhưng chỉ cho bị đơn lưu cư 03 tháng.

- Đại diện bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu xem xét công sức đóng góp cho ông T trong khối tài sản mà ông và bà Q chung sống như vợ chồng đã tạo lập với 30% giá trị tài sản đã định giá và cho dù Hội đồng xét xử chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu này thì ông T cũng tự nguyện di dời toàn bộ tài sản trên đất để giao trả đất cho nguyên đơn, cả chiếc xe ô tô. Cho bị đơn được lưu cư 06 tháng vì cần thời gian di chuyển đồ đạc.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, nguồn gốc tài sản là của bà Q, ông T không chứng minh có công sức đóng góp trong khối tài sản này, hai người cũng không phải vợ chồng được pháp luật công nhận, cấp sơ thẩm xác định công nhận cho nguyên đơn bà N là người thừa kế duy nhất của bà Q và giao cho nguyên đơn là đúng đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa đại diện bị đơn chỉ xin được xem xét công sức đóng góp của ông T trong khối tài sản mà ông và bà Q chung sống như vợ chồng đã tạo lập với 30% giá trị tài sản đã định giá. Về thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông T không vượt quá yêu cầu phản tố ban đầu yêu cầu được chia ½ tài sản nên được chấp nhận để xem xét.

[1.2] Việc vắng mặt những người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo bởi hiện tại những người không còn ở trên đất nên tiến hành xét xử vắng mặt những người liên quan theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: Mặc dù giữa ông T và bà Q có hình ảnh thể hiện có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, căn cứ vào Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 – luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh quan hệ chung sống giữa bị đơn ông T và bà Q có quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. N1, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”* và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có quy định: *“Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên”*. Đồng thời, trước thời điểm bà Q mất, bà Q đã yêu cầu UBND nơi đăng ký thường trú xác nhận bà độc thân để thực hiện các giao dịch về chuyển nhượng QSDĐ, việc yêu cầu của bà Q đã được UBND phường L, quận B, Tp Cần Thơ chứng nhận tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 82 ngày 03/3/2022 và Giấy xác nhận này có giá trị đến thời điểm thay đổi tình trạng hôn nhân hoặc 06 tháng kể từ ngày cấp. Tuy nhiên, đến ngày 07/7/2022 bà Q đã mất và trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông T xác định ông và bà Q mặc dù có đám cưới nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vì cho rằng cả hai đã lớn tuổi và do phía em bà Q ngăn cản. Như vậy, quan hệ chung sống của ông T và bà Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Tại phiên tòa, phía đại diện bị đơn cũng xác định không có chứng cứ để chứng minh góp tiền vào việc hình thành tài sản mang tên bà Q là đất và xe, nhưng đề nghị áp dụng tương tự pháp luật, lễ công bằng để xem xét cho ông T. Thấy rằng, khi còn sống phía bà Q cũng có thành lập DNTN để kinh doanh riêng được thể hiện qua lời xác định của đại diện bị đơn tại phiên tòa, vì vậy, kinh tế của bà Q không lệ thuộc vào ông T, đồng thời ông T cũng có cơ sở làm ăn riêng nên không có căn cứ khẳng định có sự đóng góp của ông T vào khối tài sản này. Mặt khác, phía ông T và bà Q không phải là vợ chồng nên không thể áp dụng việc xem xét công sức đóng góp trong khối tài sản chung, và ngay cả khi xác định chung sống như vợ chồng theo quy định Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình thì cũng không quy định việc tính xem xét công sức đóng góp. Đồng thời, phía ông T đã sử dụng mặt bằng thuộc quyền sử dụng đất của bà Q trong một thời gian để kinh doanh xem như là có lợi cho bị đơn. Do đó, kháng cáo của của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với việc bị đơn xin được lưu cư 06 tháng, thấy rằng, hiện máy móc thiết bị của bị đơn đang ở trên đất cần có thời gian di chuyển, tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã cho bị đơn 06 tháng lưu cư từ tháng 01/7/2024 kéo dài đến nay là 04

tháng nên chỉ cho bị đơn được lưu cư thêm 03 tháng kể từ khi án phúc thẩm có hiệu lực là phù hợp.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng nên giữ nguyên. Tuy nhiên, do tại phiên tòa có thay đổi về việc tự nguyện của bị đơn giao toàn bộ tài sản cho nguyên đơn nên sửa lại quyết định cho phù hợp với ý chí của đương sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Giữ nguyên như cấp sơ thẩm. Ông T phải chịu 30.720.000 đồng, ông T đã nộp 25.920.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng 4.800.000 đồng. Do đó ông T phải trả lại cho bà N số tiền 4.800.000 đồng.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Sơ thẩm: Giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5.2] Phúc thẩm: Bị đơn ông T phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\*Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

\*Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh T.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Phạm Minh T.

- Công nhận bà Nguyễn Thị N là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là người thừa kế duy nhất của bà Nguyễn Thị Thùy Q, sinh năm 1967, mất ngày 07/7/2022.

- Công nhận các tài sản gồm: Thửa đất 208, tờ bản đồ 26 tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 639953 (số vào sổ cấp GCN: CH02772) do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/03/2011, chỉnh lý sang tên bà Nguyễn Thị Thùy Q ngày 02/11/2011; Thửa đất 218, tờ bản đồ 26 tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 639367 (số vào sổ cấp GCN: CH02897) do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Thùy Q; Thửa đất 68, tờ bản đồ 26 tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 639954 (số vào sổ cấp GCN: CH02773) do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/03/2011,

chỉnh lý sang tên bà Nguyễn Thị Thùy Q ngày 02/11/2011, trên đất có các công trình xây dựng theo chứng thư Thẩm định giá số 241401889/CTO ngày 21/3/2024 tại bút lục 190 (*Tổng diện tích qua đo đạc thực tế còn lại của 03 thửa 208, 218 và 68 là 531,0m<sup>2</sup> theo Bản trích đo địa chính số 914/TTKTTNMT ngày 23/8/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố K2 lập*) và 01 xe ô tô hiệu TOYOTA, có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016708, biển số 65A – 115.71 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố C cấp ngày 23/02/2017 mang tên Nguyễn Thị Thùy Q là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Thùy Q mất để lại. Bà Nguyễn Thị N được hưởng thừa kế toàn bộ các di sản thừa kế vừa nêu trên của bà Nguyễn Thị Thùy Q.

- Ghi nhận ông Phạm Minh T tự nguyện di dời toàn bộ các vật dụng, tài sản cá nhân để giao trả lại toàn bộ tài sản thừa kế (*03 thửa đất số 208, 218, 68, các công trình xây dựng theo chứng thư Thẩm định giá số 241401889/CTO ngày 21/3/2024 tại bút lục 190 và xe ô tô BS 65A-115.71*) như vừa nêu trên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N hỗ trợ cho bị đơn ông Phạm Minh T số tiền 200.000.000 đồng chi phí di dời.

- Cho bị đơn ông Phạm Minh T được lưu cư trong thời gian 03 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời gian 03 tháng, ông T không tự nguyện di dời thì việc di dời được thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Không đặt ra xem xét đối với 81,8m<sup>2</sup> đất – vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 914/TTKTTNMT ngày 23/8/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố K2 lập. Trường hợp phần diện tích 81,8m<sup>2</sup> đất – vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 914/TTKTTNMT ngày 23/8/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố K2 lập có đủ điều kiện đăng ký cấp GCNQSDĐ thì bà Nguyễn Thị N là người thừa kế của bà Nguyễn Thị Thùy Q có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

### 3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn. Ông Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0000404 ngày 03/11/2023 thì ông T được nhận lại số tiền 19.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001602 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

### 4. Về chi phí tố tụng: Ông T phải trả lại cho bà N số tiền 4.800.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Hà Thị Phương Thanh**